

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 182/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Xuân Tạo;
- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Yên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 304/2025/TLST-DS ngày 22/4/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S; địa chỉ: Tầng A, 2, 3, 20, 21, 22, 23, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13, thuộc khu chức năng số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quang D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai), là người đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 03/02/2025). Có mặt.

Bị đơn: Bà Lầy Cẩm T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ H, khu phố H, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quang D trình bày:

Ngày 14/07/2023, bà Lầy Cẩm T và Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (sau đây gọi tắt là ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BDNC/2023/HDTD-0252 với nội dung chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 96 tháng (Từ ngày 14/07/2023 đến 14/07/2031). Lãi suất: cố định là 7,8%/năm trong khoảng thời gian 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên; áp dụng lãi suất cố định là 9,9%/năm trong khoảng thời gian 30 tháng tiếp theo kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên; và áp dụng lãi suất điều chỉnh theo lãi suất tham chiếu SPR 12 tháng cộng (+) Biên độ 0,8%/năm và điều chỉnh 12 tháng một lần cho đến hết thời hạn cho vay. Trả lãi và gốc vào ngày 14 hàng tháng (gốc trả đều hàng tháng là 5.208.333 đồng, và lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần của gốc). Mục đích vay: mua xe ô tô hiệu FORD RANGER, màu Nâu, 5 chỗ, biển số: 61C-535.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp ngày 07/07/2023.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên, bà T đã ký hợp đồng thế chấp số: SHBVN/BDNC/2023/HDTC-0252 ngày 14/07/2023 với Ngân hàng để thế chấp xe ô tô nói trên. Ngân hàng đã đăng ký biện pháp đảm bảo, thông báo xử lý tài sản bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng, theo phiếu yêu cầu đăng ký số: 1504080860, ngày 14/07/2023.

Thông tin thế chấp như sau: Loại xe: Ô tô, hiệu FORD RANGER, biển số xe: 61C-535.34, số máy: P02SRPY52165, số khung: RL2UMFC50PYR52165, màu sơn: Nâu, số chỗ ngồi: 5 chỗ. Đăng ký lần đầu ngày 07/07/2023, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp cho bà Lầy Cẩm T.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ngày 14/07/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T vay tổng số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Từ ngày giải ngân cho đến ngày 02/04/2024, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 57.526.658 đồng (trong đó, thanh toán nợ gốc là: 41.501.250 đồng, thanh toán lãi là: 16.025.408 đồng).

Từ sau ngày 02/04/2024 đến nay, bà T đã không thanh toán bất kỳ số tiền nào cho Ngân hàng nữa.

- Tính đến ngày 29/09/2025, bà Lầy Cẩm T còn nợ ngân hàng tổng cộng là: 577.606.591 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 458.498.750 đồng, tổng nợ lãi: 119.107.841 đồng (trong đó: lãi trong hạn là: 80.982.844 đồng, lãi quá hạn: 38.124.997 đồng). Lãi suất đang áp dụng là 14,85 %/năm, số ngày quá hạn: 623 ngày (tính từ ngày 15/01/2024 đến 29/09/2025).

Quá trình thương lượng giữa các bên: Sau khi giải ngân, kể từ ngày 14/07/2023 cho đến nay, bà T đã liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Từ khi phát sinh nợ quá hạn từ ngày 15/01/2024 đến nay, nhân viên của Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc và đôn đốc thanh toán nợ nhưng không nhận được sự hợp tác của bà T.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc bà Lầy Cẩm T phải thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng TNHH MTV S toàn bộ số nợ gốc và lãi (tính đến hết ngày 29/09/2025) là: 577.606.591 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 458.498.750 đồng, tổng nợ lãi: 119.107.841 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 80.982.844 đồng, lãi quá hạn: 38.124.997 đồng). Lãi suất đang áp dụng là 14,85 %/năm; cộng với số tiền lãi phát sinh từ ngày 30/09/2025 cho đến khi tất toán hợp đồng tín dụng.

- Trong trường hợp bà Lầy Cẩm T không thanh toán ngay được toàn bộ khoản nợ nêu trên, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành cưỡng chế xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu FORD RANGER, màu Nâu, 5 chỗ, biển số: 61C-535.34, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp ngày 07/07/2023 để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán dứt khoản nợ, Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi dứt nợ đối với Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Lầy Cẩm T đã được Tòa án thông báo hợp lệ trên phương tiện thông tin đại chúng để bà T được biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên, về thời gian, địa điểm để tham gia tố tụng nhưng bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Lầy Cẩm T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- + Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- + Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S khởi kiện bị đơn bà Lầy Cẩm T phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng SHBVN/BDNC/2023/HĐTD-0252 ngày 14/7/2023 nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú và địa chỉ ghi trên hợp đồng tín dụng tại: Tổ H, khu phố H, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh). Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Lầy Cẩm T đã được thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được thông báo hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

[3] Về nội dung: Ngày 14/7/2023, bà Lầy Cẩm T và Ngân hàng TNHH MTV S ký Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BDNC/2023/HĐTD-0252 với nội dung: hạn mức vay 500.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất cố định 7,8%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó 9,9%/năm trong 30 tháng tiếp theo và điều chỉnh theo lãi suất tham chiếu cộng biên độ 0,8%/năm cho đến khi kết thúc hợp đồng. Mục đích vay: mua xe ô tô biển số 61C-535.34. Để đảm bảo cho khoản vay các bên có ký kết Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/BDNC/2023/HĐTC-0252 ngày 14/07/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô, hiệu FORD RANGER, biển số: 61C-535.34, số máy: P02SRPY52165, số khung: RL2UMFC50PYR52165, màu sơn: Nâu, số chỗ ngồi: 5 chỗ, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2023, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp cho bà Lầy Cẩm T.

Căn cứ các Thông báo của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S và Sao kê chi tiết giao dịch của bà Lầy Cẩm T do Ngân hàng cung cấp thì Ngân hàng đã giải ngân đủ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cho bà T. Sau khi nhận vốn, bà T chỉ thực hiện trả được 57.526.658 đồng (trong đó gốc 41.501.250 đồng, lãi 16.025.408 đồng). Từ ngày 02/4/2024 đến nay bà T không trả thêm bất kỳ khoản nào.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản vay nêu trên được xác lập trên cơ sở hợp đồng hợp pháp, có chữ ký và con dấu của các bên, được thực hiện đúng trình tự giải ngân.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều kỳ, mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 280 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BDNC/2023/HĐTD-0252 ngày 14/7/2023 do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay tài sản giữa Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S và bà Lầy Cẩm T là một loại hợp đồng vay có thời hạn và có biện pháp bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S được quyền khởi kiện đối với bà Lầy Cẩm T để thu hồi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S về nợ gốc và nợ lãi:

[4.1] Xét yêu cầu về khoản nợ gốc:

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định thì nguyên đơn có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bị đơn vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Xét bị đơn bà Lầy Cẩm T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BDNC/2023/HĐTD-0252 ngày 14/7/2023, bản tự khai và bảng tổng hợp dư nợ do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định tính đến hết ngày 29/9/2025, bà T còn nợ của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền nợ gốc là: 458.498.750 đồng.

Do đó, việc Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 458.498.750 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Về nợ lãi:

Theo lời khai và bảng tính lãi do nguyên đơn cung cấp, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2025), thể hiện: bà T còn nợ nguyên đơn tổng nợ lãi: 119.107.841

đồng (trong đó lãi trong hạn là: 80.982.844 đồng, lãi quá hạn: 38.124.997 đồng). Lãi suất áp dụng là 14,85 %/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về lãi trong hạn: Theo hợp đồng tín dụng, lãi suất được xác định cố định 7,8 %/năm trong 6 tháng đầu, 9,9 %/năm trong 30 tháng tiếp theo, và từ tháng thứ 37 trở đi áp dụng lãi suất tham chiếu (SPR 12 tháng) cộng (+) biên độ 0,8 %/năm. Mức lãi suất 14,85 %/năm. Đối chiếu theo quy định và mức lãi suất trong hạn được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn là 80.982.844 đồng là phù hợp.

Về lãi quá hạn: Khoản 5 Điều 466 BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định: “khi bên vay không trả nợ đúng hạn, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn được tính bằng 150 % lãi suất vay theo hợp đồng, trừ khi hai bên thỏa thuận mức khác”. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ngân hàng và bà T đã thỏa thuận: lãi quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn. Đối chiếu theo quy định và mức lãi suất quá hạn được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn là 38.124.997 đồng là phù hợp.

Như vậy, xét thời gian tính lãi và cách tính lãi mà nguyên đơn áp dụng đối với bị đơn không trái với hợp đồng tín dụng, không trái với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ lãi, buộc bà T thanh toán cho nguyên đơn các khoản nợ lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) tổng nợ lãi: 119.107.841 đồng (trong đó: lãi trong hạn là: 80.982.844 đồng, lãi quá hạn là: 38.124.997 đồng).

[5] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và nghĩa vụ thanh toán:

Để đảm bảo cho khoản vay, bà T đã thế chấp xe ô tô hiệu Ford Ranger, biển số: 61C-535.34 theo Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/BDNC/2023/HDTTC-0252 ngày 14/07/2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp cho bà Lầy Cẩm T và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, hợp đồng này đã phát sinh hiệu lực và có giá trị ràng buộc đối với các bên. Xét thấy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299 và 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp bà T không thanh toán ngay được toàn bộ khoản nợ nêu trên, cụ thể Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Ford Ranger, màu nâu, 5 chỗ, biển số: 61C-535.34, theo Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô số: 61 003814, do Công an tỉnh B cấp ngày 07/7/2023 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ, bà T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Lầy Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S được chấp nhận nên bị đơn bà Lầy Cẩm T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí này. Ghi nhận nguyên đơn đã thực hiện xong việc tạm ứng chi phí tố tụng và đã quyết toán xong tại Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S đối với bị đơn bà Lầy Cẩm T về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lầy Cẩm T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 29/9/2025 là: 577.606.591 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc: 458.498.750 đồng, nợ lãi trong hạn là: 80.982.844 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.124.997 đồng.

2. Kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong, bà Lầy Cẩm T còn phải chịu khoản lãi quá hạn phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BDNC/2023/HĐTD-0252 ngày 14/7/2023 cho đến khi tất toán xong hợp đồng.

3. Trong trường hợp bà Lầy Cẩm T không tự nguyện thanh toán khoản nợ nêu trên, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô hiệu Ford Ranger, màu nâu, 5 chỗ, biển số 61C-535.34, số khung RL2UMFC50PYR52165, số máy P02SRPY52165 theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/BDNC/2023/HDTC-0252 ngày 14/7/2023 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, bà Lầy Cẩm T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán phần nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Lầy Cẩm T phải thanh toán Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lầy Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.104.264 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 12.654.956 đồng (mười hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0000448 ngày 23/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đậu Thị Thảo****THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ****THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

